

“DĨ BẤT BIẾN, ỨNG VẠN BIẾN” TRONG NGOẠI GIAO VIỆT NAM

Trần Thị Nhâm
Trưởng Chính trị tỉnh Thái Bình

Tóm tắt: “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” là phong cách ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư tưởng “phải luôn luôn vì lợi ích của dân tộc mà phục vụ” và được Đảng ta vận dụng trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, tạo nên thành tố trong triết lý “ngoại giao cây tre” của nền đối ngoại Việt Nam: “gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển”.

Từ khóa: “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”, ngoại giao, Việt Nam.

“REMAINING CONSTANT, RESPONDING TO ALL CHANGES” IN VIETNAMESE DIPLOMACY

Tran Thi Nham
Thai Binh Provincial School of Politics

Abstract: “Remaining constant, responding to all changes” is the diplomatic style of President Ho Chi Minh with the thought of “always serving the interests of the nation” and was applied by our Party throughout the process of leading the revolution, creating an element in the philosophy of “bamboo diplomacy” of Vietnam’s foreign affairs: “firm roots, strong trunk, flexible branches”.

Keywords: “Remaining constant, responding to all changes”, diplomacy, Vietnam.

Nhận bài: 16/04/2025

Phản biện: 18/05/2025

Duyệt đăng: 22/05/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

“Dĩ bất biến, ứng vạn biến” là phong cách ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư tưởng “phải luôn luôn vì lợi ích của dân tộc mà phục vụ” và được Đảng ta vận dụng trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, tạo nên thành tố trong triết lý “ngoại giao cây tre” của nền đối ngoại Việt Nam: “gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển”. Gốc vững chính là truyền thống tự lực, tự cường, là lợi ích quốc gia – dân tộc, được dẫn dắt bởi nền tảng tư tưởng của Đảng. Thân chắc chính là bản lĩnh kiên cường trước mọi thử thách, khó khăn, là những cốt lõi đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế trong thời kỳ Đổi mới đã được thực tiễn kiểm chứng và vun đắp. Cành uyển chuyển là ứng xử “dĩ bất biến, ứng vạn biến”.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến triết lý “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” vào ngày 31-5-1946 khi Người trao đổi với cụ Huỳnh Thúc Kháng trước lúc sang Pháp dự hội nghị Fontainebleau. Người đã có lời căn dặn cụ Huỳnh Thúc Kháng: “Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở Cụ cùng anh em giải quyết cho. Mong Cụ “dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Câu nói trên không chỉ giúp chúng ta giải quyết tốt vấn đề “thù trong, giặc ngoài”, giữ vững

nền độc lập, chính quyền cách mạng còn non trẻ, mà còn trở thành bài học quý, là kim chỉ nam trong công tác đối ngoại được Đảng, Nhà nước ta vận dụng hiệu quả trong công cuộc giải phóng dân tộc cũng như trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế hiện nay.

“Dĩ bất biến, ứng vạn biến” là lấy cái không thể thay đổi (bất biến) để ứng phó với muôn sự thay đổi (vạn biến). Quan điểm “bất biến” được thể hiện qua việc lấy lợi ích của quốc gia, dân tộc, mà độc lập dân tộc, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc là cốt lõi. Trong câu nói của Người đã toát lên cái “bất biến”: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Trong đó, đặt lên cao nhất là độc lập, bởi lẽ nếu không có độc lập, tức bị vong quốc, mất nước, đất nước trong cảnh nô lệ lầm than thì làm gì có tự do, lấy đâu ra tự do, hạnh phúc, dân chủ. Chính vì vậy, nước bị mất độc lập thì việc đầu tiên là phải giành cho bằng được độc lập và trong hoàn cảnh như vậy, độc lập cho đất nước là cái bất biến số một hàng đầu.

“Vạn biến” là khả năng ứng phó mềm dẻo, linh hoạt kết hợp hài hòa với sự kiên quyết, giữa chiến lược và sách lược, giữa cương và nhu, giữa chủ động và sáng tạo trong tình huống cụ thể để phục

vụ mục tiêu “bất biến”. Cái vạn biến ở trường hợp này là những tình huống cách mạng đã, đang và sắp xảy ra hàng ngày hàng giờ mà chúng ta phải đối phó, phải xử lý để đạt được mục tiêu cách mạng. Trong bất cứ điều kiện, hoàn cảnh nào, khó khăn đến đâu cũng phải giữ vững nguyên tắc để đạt được cái “bất biến”. Người chỉ rõ: “Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì phải linh hoạt”. Để thực hiện được “ứng vạn biến”, điều quan trọng là phải đánh giá đúng tình hình quốc tế và sự tác động đối với nước ta, cả mặt thuận lợi và mặt bất lợi. Kinh nghiệm thực tiễn trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc chỉ ra rằng, chỉ có thể đạt được thắng lợi trên bàn đàm phán khi giành thắng lợi trên chiến trường. Bởi vậy, về lâu dài, ta phải mạnh lên cả về mặt chính trị và kinh tế, có vị thế quan trọng trên trường quốc tế thì tiếng nói trong ngoại giao mới có trọng lượng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng lợi. Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to, tiếng mới lớn”. Người còn nhấn mạnh: “Ta có mạnh thì họ mới chịu “đếm xỉa đến”. Ta yếu thì ta chỉ là một khí cụ trong tay của kẻ khác, dầu là kẻ ấy có thể là bạn đồng minh của ta vậy”. Cùng với “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, Người còn chỉ dẫn: “Phải biết cách biến đại sự thành trung sự, biến trung sự thành tiểu sự và biến tiểu sự thành vô sự”, đó là giữ vững nguyên tắc đi liền với linh hoạt, thiên biến vạn hóa về phương pháp, biện pháp, sách lược...

Sau Cách mạng Tháng Tám đến tháng 12/1946, tình hình vô cùng đặc biệt. Đất nước ta phải cùng một lúc chống nhiều kẻ địch: Anh, Pháp, Mỹ, Tưởng Giới Thạch. Tưởng vào phía Bắc, đi sau Tưởng là sự ủng hộ của Mỹ. Phía Nam là thực dân Pháp và thực dân Anh ủng hộ thực dân Pháp.

“Dĩ bất biến” là làm sao giữ được độc lập dân tộc. Trong bối cảnh lực lượng cách mạng còn yếu, nếu cùng lúc chống nhiều kẻ thù thì sẽ thất bại, đây là ứng xử hợp lý. Vì vậy, để tránh xung đột, ta tạm thời hòa hoãn với Trung Hoa dân quốc. Việt Minh đã trao cho quân Tưởng một số lợi ích kinh tế, chính trị (Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chấp nhận đặc cách cho phía Tưởng một số ghế Bộ trưởng và 70 ghế trong Quốc hội), mặc dù quân Tưởng đang xâm phạm chủ quyền đất nước nhưng chúng ta chấp nhận cung cấp lương thực,

thực phẩm, nhận tiêu tiền quan kim quốc tệ của Tưởng. Ta tuyên bố giải thể Đảng Cộng sản Đông Dương, song thực chất là Đảng đi vào hoạt động bí mật, vẫn tiếp tục lãnh đạo cách mạng. Đây chính là sự linh hoạt, uyển chuyển trong chiến lược đối ngoại mà nhờ đó ta có điều kiện tập trung lực lượng để chống Pháp ở miền Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Hiệp định Sơ bộ Pháp - Việt với nội dung Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do nằm trong khối liên hiệp Pháp. Đây là một ứng xử linh hoạt. Thoạt nhìn, nội dung này có vẻ nhượng bộ Pháp nhưng về bản chất, Việt Nam vẫn giữ được độc lập. Tiếp đến là hội nghị đàm phán Pháp - Việt được tổ chức ở lâu đài Fontainebleau và tạm ước Việt - Pháp (14/9/1946). Đây là những bước đi của Bác nhằm kéo dài thời gian hòa bình để Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chuẩn bị lực lượng, cơ sở kháng chiến.

Một lần nữa phương châm đối ngoại “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” được thể hiện rõ nhất tại Hội nghị Paris trong thời kì kháng chiến chống Mỹ. Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, Cuộc đàm phán ở Hội nghị Paris đã diễn ra “đánh dấu cuộc đọ sức trên mặt trận ngoại giao”, với cục diện “vừa đánh, vừa đàm” đầy cam go kéo dài gần 5 năm. Cái “bất biến” thể hiện qua lập trường kiên quyết không khoan nhượng đối với những vấn đề có tính nguyên tắc về giữ vững độc lập tự chủ; tôn trọng những quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, quyền tự quyết của nhân dân miền Nam, Mỹ cùng quân đội nước ngoài phải rút khỏi miền Nam Việt Nam... “Ứng vạn biến” là tích cực, chủ động, linh hoạt trong lựa chọn hình thức, phương pháp đấu tranh ngoại giao, nhân nhượng về những vấn đề thứ yếu, giành thắng lợi từng bước trong đàm phán tiến đến giành thắng lợi hoàn toàn. Trong bối cảnh đó, đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam yếu tố cơ bản tạo tiền đề cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao. Nếu không có cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 thì Mỹ chưa chịu ngồi vào bàn đàm phán 4 bên; không có chiến thắng của trận Điện Biên Phủ trên không năm 1972 thì Mỹ sẽ lật lọng không chấp nhận bản dự thảo Hiệp định Paris đã đạt được trên bàn đàm phán. Chiến dịch không kích bằng máy bay chiến

lược B-52 vào Hà Nội và Hải Phòng và một số địa phương khác ở miền Bắc thất bại, Mỹ phải trở lại bàn đàm phán. Chớp thời cơ này, hai phái đoàn ngoại giao của ta đẩy mạnh tiến công, ép Mỹ chấp nhận Dự thảo và sáng ngày 27-1-1973, Hiệp định “Về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam” đã được ký kết.

Hai năm sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Việt Nam và Hoa Kỳ tiến hành đàm phán bình thường hóa quan hệ nhưng không thành công do một số vấn đề chưa thỏa thuận được. Cuối năm 1986, nhận thấy bối cảnh quốc tế có nhiều thay đổi, ta phải cải thiện quan hệ với các nước lớn trong đó có Hoa Kỳ, vì vậy Bộ Chính trị khóa V đã ban hành Nghị quyết 32 về tình hình đối ngoại của Đảng, nhấn mạnh: “...chủ động chuyển sang một giai đoạn đấu tranh mới dưới hình thức cùng tồn tại hòa bình...với Mỹ”.

Sau chiến tranh biên giới Tây Nam nổ ra cùng với việc đưa quân tình nguyện sang giúp Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng, Mỹ xiết chặt bao vây cấm vận Việt Nam. Từ đó, Bộ Chính trị khóa VI (1988) đã ra Nghị quyết 13 nhấn mạnh chính sách “thêm bạn, bớt thù” tạo bước ngoặt trong chính sách đối ngoại đổi mới, chủ trương thúc đẩy từng bước việc bình thường hóa quan hệ với Mỹ. Đảng ta cũng đề ra nhiệm vụ cấp bách để đẩy lùi chính sách “bao vây, cấm vận” với nước ta. Ta đã rút kinh nghiệm trong việc bỏ lỡ cơ hội bình thường hóa quan hệ với Mỹ trước đây, do đó Đảng và Nhà nước đã triển khai linh hoạt nhiều hoạt động đối ngoại để phục vụ mục tiêu “bất biến” trong giai đoạn này. Với những thiện chí từ Việt Nam, năm 1992 Mỹ tiến hành nói lỏng lệnh cấm vận, đến năm 1995 Mỹ ra tuyên bố về bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Đáp lại, Việt Nam cũng ra tuyên bố thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ. Sự kiện này góp phần đánh dấu cột mốc quan trọng trong quan hệ ngoại giao hai nước, mở ra trang sử mới giữa hai quốc gia là cựa thù từng đối đầu trong chiến tranh, qua đó góp phần thúc đẩy hòa bình, hợp tác ở khu vực và trên thế giới.

Sau chiến tranh biên giới phía Bắc, Đảng ta đã khẳng định: “Việt Nam sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc bất cứ lúc nào, bất cứ cấp nào và bất cứ ở đâu nhằm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước”. Sau Đại hội VII, ta đề ra đường lối đối

ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, “đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế” với phương châm “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”. Cùng với nỗ lực từ hai phía, Việt Nam và Trung Quốc tiến hành bình thường hóa quan hệ ngoại giao năm 1991.

Đối với đất nước ta, vấn đề lớn nhất cần giải quyết bây giờ là phải trở nên giàu mạnh. Sau nhiều nỗ lực, từ một nước nghèo, Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình và đang đứng trước cơ hội rất lớn trở thành giàu mạnh, tiếp tục kiên định với con đường xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Định hướng xã hội chủ nghĩa là một khái niệm rất lớn đòi hỏi vừa có sự kế thừa, tổng hợp thực tiễn, vừa có sự sáng tạo liên tục. Phấn đấu trở thành nước phát triển là mục tiêu theo tiêu chí chung của thế giới. Còn với định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần chú trọng hơn các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, hạn chế khoảng cách giàu nghèo, bảo vệ môi trường... Đây cũng là những cơ sở “dĩ bất biến” để “ứng vạn biến” trong mọi tình thế. Dù kinh tế phát triển đến đâu cũng vì mục tiêu hạnh phúc của Nhân dân, công bằng xã hội. Dù lợi ích kinh tế lớn thế nào cũng không đánh đổi môi trường, cân bằng sinh thái.

Một biểu hiện cho thấy việc ứng dụng tư tưởng “dĩ bất biến, ứng vạn biến” trong tình hình hiện nay là chính sách “4 không” đối với quốc phòng: không tham gia liên minh quân sự, không liên kết với nước này để chống nước kia, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Tiếp nối truyền thống ngoại giao trong lịch sử, “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” được đưa vào đường lối đối ngoại của Đại hội XIII, Đảng ta khẳng định: “Đảm bảo cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” luôn là mục tiêu bất biến, kiên trì lập trường nguyên tắc về thúc đẩy hòa bình, độc lập dân tộc, chống chiến tranh, tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác cùng có lợi giữa các nước.

Để thực hiện cái “bất biến” là độc lập, tự chủ, hội nhập quốc tế, Việt Nam đã chủ động “ứng vạn biến” tích cực tham gia giải quyết các vấn

đề chung của khu vực và thế giới. Việt Nam đã trở thành thành viên của nhiều tổ chức thế giới và khu vực; tham gia nhiều hiệp ước quan trọng vì sự phát triển và tiến bộ chung của nhân loại. Tất cả là nhằm tranh thủ cơ hội thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, từng bước củng cố và tăng cường tiềm lực quốc phòng, quân sự để bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Sự linh hoạt, chủ động trong đường lối ngoại giao đó đã được thế giới ghi nhận, đánh giá cao trong quan hệ quốc tế.

III. KẾT LUẬN

Hiện nay tình hình thế giới có nhiều biến động

khó lường, khó dự báo, tuy nhiên với truyền thống ngoại giao được hun đúc từ trong lịch sử hào hùng chống ngoại xâm đã giúp chúng ta luôn nhất quán trong lập trường đứng vững về phía công lý, lẽ phải, phù hợp với luật pháp quốc tế. Phương pháp ngoại giao “dĩ bất biến, ứng vạn biến” không chỉ là lời di huấn của Bác Hồ mà còn là “chiếc chìa khóa” để Đảng và Nhà nước thực hiện hoạt động đối ngoại một cách hiệu quả giúp đất nước vượt qua những thách thức, tranh thủ thời cơ, đổi mới, sáng tạo để dựng xây, bảo vệ và đưa đất nước đi lên cùng thời đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 8*, tr. 555, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 4*, tr. 147, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7*, tr. 244, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.